TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HNGĐ-ST
Ngày:30-10-2018.
"V/v Ly hôn và quyền nuôi con chung giữa ông T và bà Y"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

-Bà Đỗ Thị Thu Hương

-Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Thành L– Thẩm tra viên Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà: ông K'Mich– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐ-XXST ngày11 tháng 9 năm 2018 giữa

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu D, Phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu D, Phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Chí T trình bày:

Ông và bà Trần Thị Yên, kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới, thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng cũng đã ngồi lại nói chuyện để khắc phục vấn đề này

nhưng không có kết quả. Tuy còn sống chung một nhà nhưng thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay ông nhận thấy thời gian qua vợ chồng không có khả năng để hàn gắn, không thể chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trí K, sinh ngày 16/3/2005 và Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 11/5/2008, hiện nay các con đang chung sống với vợ chồng. Ly hôn ông giao cả hai con chung cho bà Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ông có trách nhiệm cấp dưỡng 7.000.000đ/ 02 con/ 01 tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có nợ chung.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị Y trình bày:

Quá trình kết hôn và chung sống giữa bà và ông T như ông T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì trong 10 năm đầu chung sống thì ông T có ham mê đánh bài, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông Thủy không sửa đổi. Đến năm 2014 thì ông T cá độ bóng đá thua số tiền 1.000.000.000đ, bà đã cố gắng thu xếp trả nợ cho ông T, và từ thời điểm 2014 thì toàn bộ thu nhập của ông T cũng chỉ để trả nợ và không phụ giúp gì gia đình. Vợ chồng cũng có cãi nhau, do ông T thường xuyên đi đêm không về. Tuy vậy bà vẫn cố gắng nhường nhịn trong thời dài. Đến khoảng tháng 9/2017 bà phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác là cô Đỗ Thị Việt H sống tại xã T, huyện H, thành phố H. Nay ông T xin ly hôn thì bà không đồng ý, do tình cảm vợ chồng vẫn còn, và lý do xin ly hôn của ông t là vì có quan hệ với người khác còn lấy tiền của bà để phục vụ cho việc ngoại tình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trí K, sinh ngày 16/3/2005 và Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 11/5/2008, hiện nay các con đang cũng chung sống với vợ chồng. Trong trường hợp phải ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông Nguyễn Chí T có trách nhiệm cấp dưỡng 7.000.000đ/ 02 con/ 01 tháng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con từ 7.000.000đ xuống 6.000.000đ. Bà Y vẫn yêu cầu đoàn tụ, không có ý kiến thay đổi, bổ sung yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của nhưng người tham gia tố tụng. Về giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Chí T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Chí T khởi kiện, yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Y và giao con cho bà Y nuôi, bà Trần Thị Y không đồng ý ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bà Trần Thị Y hiện đang cư trú tại địa chỉ: Khu D, Phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Chí T và bà Trần Thị Y kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách cư xử trong gia đình, về kinh tế dẫn đến không còn tôn trọng, cố chấp, không tin tưởng lẫn nhau, tình cảm mất dần không còn sự gắn bó với nhau, chỉ còn trách nhiệm với con chung. Tại phiên tòa hội đồng xét xử động viên ông T trở lại đoàn tụ gia đình với bà Y nhưng ông T không đồng ý. Bà Y yêu cầu đoàn tụ cho rằng ông T ngoại tình nhưng không có chứng cứ chứng minh nào qua tin nhắn bà chụp từ máy của ông T không thể hiện việc ông T có quan hệ ngoại tình với người khác, từ khi Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của ông T bà Y cũng không giải pháp nào để níu kéo ông T mà chỉ trình bày nêu ông Thủy về đòan tụ bà sẽ thay đổi cách cư xử với ông T, bà cũng thừa nhận giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, sống chung nhưng không niềm vui cho nhau nhưng vì con bà yêu cầu đoàn tụ. Qua xác minh được biết mâu thuẫn giữa hai bên là có thật và kéo dài, hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau.Với thực trạng của quan hệ hôn nhân thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của ông Thủy là có căn cứ. Vì vậy áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Chí T, cho ly hôn giữa ông Nguyễn Chí T và Trần Thị Y.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trí K, sinh ngày 16/3/2005 và Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 11/5/2008, các con có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy giao hai con chung cho bà Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên,

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y đồng ý với mức ấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000đ mà ông T đưa ra nên ghi nhận. Buộc ông Thủy cấp dưỡng nuôi hai con tên Nguyễn Trí K, sinh ngày 16/3/2005 và Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 11/5/2008 mỗi con mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con thành niên.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên không có tranh chấp nên không đề cập.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí sơ thẩm án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:.

1. Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Chí T và bà Trần Thị Y.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Trí K, sinh ngày 16/3/2005 và Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 11/5/2008 cho bà Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Chí T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Trí K, sinh ngày 16/3/2005 và Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 11/5/2008 mỗi con mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007818 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) và phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Chí T, bà Trần Thị Y có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND thành phố Đ;
- UBND phường J thành phố Đ
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga